

Bản án số: 20/2024/DS-PT  
Ngày 18 – 01 – 2024  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2023/TLPT-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Q, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1938; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:** Bà Đỗ Thị Mộng Ngh, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp N, thị trấn Ngan D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1940; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Đỗ Thu V, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

3. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp Tân Trung, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Bà Đỗ Thị Bích Nh , sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

5. Anh Đỗ Hoàng Đ, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

7. Bà Đỗ Thị Kim Đ, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt).

8. Ông Đỗ Thanh C, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).

9. Chị Đỗ Thị Mộng Ngh, sinh năm 1982 (có mặt).

10. Ông Đỗ Thanh U, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà Đỗ Thị Thu Tr, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

12. Chị Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Vĩnh Đồng, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

13. Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).

14. Chị Đỗ Thị Hằng N, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

15. Chị Đỗ Thúy D, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

16. Anh Đỗ Khánh D, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- **Người kháng cáo:** Ông Đỗ Văn H là bị đơn và bà Mai Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là do cha chồng bà là ông Đỗ Văn L cho vợ chồng bà vào năm 1982 (chồng là Đỗ Văn Đ chết 1994), diện tích khoảng 1.700m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đến năm 2015, thì ông Đỗ Văn H phát sinh tranh chấp ông rằng đất của ông, ông H ngăn cản không cho gia đình bà sử dụng đất. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn H giao trả phần đất đã lấn chiếm có diện tích 2.014,4m<sup>2</sup>. Do đó, bà yêu cầu ông Đỗ Văn H giao trả phần đất qua đo đạc 2.014,4m<sup>2</sup>. Ngày 10/7/2023 và tại phiên toà, bà Quyên rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 177,9m<sup>2</sup>, phần đất thửa thứ 2 do ông Nguyễn Văn T đứng tên sổ mục kê.

*Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:* Nguồn gốc đất này là của cha mẹ ông là Đỗ Văn C và Trần Thị N (đã chết rất lâu) tự khai phá từ trước năm 1945 khoảng 100 công, đất này là đất hoang hóa, đất lung, phèn. Cha mẹ ông có tất cả 08 người con, 06 người con trai và 02 người con gái, ông là con trai út sống cùng

cha mẹ, nhưng hiện chỉ ông và một người em là Đỗ Thị T còn sống. Khi các con có gia đình cha mẹ ông đều có cho đất, phần của ông Đỗ Văn L cha mẹ đã cho đất khoảng hơn 20 công tầm cây. Phần đất còn lại cha mẹ để cho ông khoảng 20 công tầm cây và phần đất hiện ông đang tranh chấp với bà Lê Thị Q, ông Đặng Hoàng N (khoảng hơn 03 công tầm cây), tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H. Phần đất ông và bà Q đang tranh chấp khoảng hơn 02 công là đất được cha mẹ ông cho vào năm 1975, đất này đất lung nên chủ yếu để bắt cá, nhổ năng cũng có thời gian xạ lúa, trồng bồn bồn.... Nhưng từ năm 2015 thì bên bà Q ra ngăn cản không cho tôi sử dụng, ông đem máy cuốc vào đất để bao bờ thì bên bà Q, ông N ra ngăn cản nên phần đất hiện nay không bên nào sử dụng được. Năm 2008, ông có đến Ủy ban nhân dân xã N để đăng ký làm quyền sử dụng đất, nhưng cán bộ xã trả lời đợi khi nào có đợt làm quyền sử dụng đất thì làm luôn. Trước đây, năm 2014 bà Q có kiện ông ra Tòa án, sau đó chuyển sang Ủy ban nhân dân huyện giải quyết. Từ lúc đó đến nay ông đã nhiều lần đến Ủy ban nhân dân huyện để yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa được cấp. Nay ông không đồng ý yêu cầu của bà Q về việc yêu cầu ông trả phần đất diện tích 2.014,4m<sup>2</sup>. Đồng thời, ông đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Lê Thị Q chấm dứt hành vi cản trở sử dụng đất để ông làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ trình bày:* Bà là vợ ông Đỗ Văn H, bà có cùng ý kiến và yêu cầu với ông Đỗ Văn H.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim T, Đỗ Thị Kim Đ, Đỗ Thanh C, Đỗ Thị Mộng Ngh, Đỗ Thanh U, Đỗ Thị Thu Tr, Đỗ Thị Ngọc B có ý kiến trình bày:* Các ông bà là con của cụ Đỗ Văn H và Mai Thị Đ, đất tranh chấp là của ông H, bà D nên các ông bà không có ý kiến hay yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho mình.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu T, chị Đỗ Thị Hằng N, chị Đỗ Thúy D, anh Đỗ Khánh D trình bày:* Bà T và các anh chị là con của ông Đỗ Văn T là cháu ông H bà Đ. Đất tranh chấp là của cụ Đỗ Văn H và Mai Thị Đ nên bà và các anh chị không có ý kiến hay yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho mình.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thu V, anh Đỗ Văn Đ, chị Đỗ Thị Bích N, anh Đỗ Hoàng Đ trình bày:* Đất tranh chấp là của ông nội cho cha là Đỗ Văn Đ và mẹ Lê Thị Q, nên bà và các anh chị không có ý kiến hay yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho mình.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu, đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần khởi kiện của bà Lê Thị Q đối với phần đất qua đo đạc tại thửa số 02, diện tích 177,9m<sup>2</sup>, có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T cạnh dài 48,0m;

Hướng Tây giáp thửa số 01, cạnh dài 47,7m;

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M cạnh dài 1,7m;

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh T, có cạnh dài 5,9m.

*Trên hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993:* Nằm trong một phần thửa 133, tờ bản đồ số 06 do chưa sử dụng đúng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

*Trên hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009:* Nằm trong thửa 39, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q kiện đòi ông Đỗ Văn H trả phần đất qua đo đạc thực tế là diện tích 1836,5m<sup>2</sup> tại ấp N, xã N, huyện H.

Buộc ông Đỗ Văn H và bà Mai Thị Đ chấm dứt hành vi ngăn cản và có nghĩa liên đới trả cho bà Lê Thị Q phần đất qua đo đạc thực tế thửa số 01, diện tích 1836,5m<sup>2</sup> tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn M + thửa số 02, cạnh dài 22,2m + 47,7m.

Hướng Tây giáp đất giữa ông N và ông H, cạnh dài 74,9m.

Hướng Nam giáp đất bà Lâm Thị X cạnh dài 28,6m.

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh T, có cạnh dài 23,1m.

*Trên hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993:* Nằm trong một phần thửa 133, tờ bản đồ số 06 do chưa sử dụng đúng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

*Trên hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009:* Nằm trong thửa 48, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Đỗ Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Bà Lê Thị Q có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất khi có nhu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về áp dụng luật thi hành án dân sự, về án phí, và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông H và bà Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

*Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn H và bà Mai Thị Đ; Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có diện tích là 2.014,4m<sup>2</sup>; trong đó có 02 thửa như sau:

- Thửa số 01, diện tích 1.836,5m<sup>2</sup>, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn M + thửa số 02, cạnh dài 22,2m + 47,7m.

Hướng Tây giáp đất giữa ông N và ông H, cạnh dài 74,9m.

Hướng Nam giáp đất bà Lâm Thị X cạnh dài 28,6m.

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh T, có cạnh dài 23,1m.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 09, do hộ ông Đỗ Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

- Thửa đất số 02, diện tích 177,9m<sup>2</sup> có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T cạnh dài 48,0m

Hướng Tây giáp thửa số 01, cạnh dài 47,7m

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M cạnh dài 1,7m.

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh T, có cạnh dài 5,9m.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 09, do hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

[4] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất tại thửa đất số 02, diện tích 177,9m<sup>2</sup>, đất do ông Nguyễn Văn T đứng tên trên sổ mục kê; nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với thửa đất 02, diện tích 177,9m<sup>2</sup> là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Nội dung này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị; nên Tòa án cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn H và bà Mai Thị Đ có cùng nội dung yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q; Hội đồng xét xử, xét thấy:

[6] Phần đất tranh chấp bà Q xác định được ông Đỗ Văn L là cha chồng cho vợ chồng bà vào năm 1982. Đất này ông L được địa phương trang trải mà có. Bà quản lý, sử dụng đến năm 2015 ông H ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Q cung cấp “Giấy cho thuê quyền sử dụng đất” đề ngày 06 tháng 3 năm 2000, thể hiện bà Q cho ông Đặng Hoàng N thuê phần đất chiều ngang 9 tầm, dài 24 tầm, giá 05 gia lúa/01 năm, thời hạn thuê 10 năm từ năm 2000; 04 Bản tự khai của bà Q đề ngày 18/8/2014, có ký tên của ông Nguyễn Văn T, Trương Hoàng H, Đặng Hoàng N, Lâm Thị X, Quách Văn D, Nguyễn Văn Đ, có nội dung: Đất tranh chấp là do Tập đoàn cấp cho ông Đỗ Văn L vào năm 1982. Đến năm 1986, ông L cho lại 03 người con gồm: Đặng Hoàng N, Đỗ Văn Đ (vợ bà Q) và Đỗ Thị L, mỗi người được cho bằng nhau, ngang 09 tầm, dài 60 tầm.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Đối với “Giấy cho thuê quyền sử dụng đất” đề ngày 06 tháng 3 năm 2000 thể hiện phần đất cho thuê ngang 9 tầm, dài 24 tầm ở ấp N, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì không xác định cụ thể phần đất bà Q cho ông N thuê tại vị trí nào; không xác định được phần đất cho thuê và phần đất hiện nay bà Q tranh chấp với ông H có cùng vị trí hay không.

Phần đất tranh chấp các đương sự bà Q, ông H đều xác định phần đất này từ trước đến nay là đất lung (đất trũng sâu) không canh tác được; nhưng bà quyền xác định cho ông N thuê mỗi năm 05 gia lúa là không phù hợp với thực tế và không phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích C là Trưởng ấp N xác định phần đất này từ trước tới nay bỏ hoang, không ai sử dụng. Mặt khác, ông N là anh ruột chồng bà Q và hiện nay ông N cũng đang tranh chấp đất với ông H ở vị trí khác, tiếp giáp phần đất đang tranh chấp. Do đó, lời trình bày của bà Q và ông N là không khách quan, nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với 04 Bản tự khai của bà Q đề ngày 18/8/2014 (bút lục 148 -151) có ký tên của ông Nguyễn Văn T, ông Trương Hoàng H, ông Đặng Hoàng N, bà Lâm Thị X, ông Quách Văn D, ông Nguyễn Văn Đ thể hiện năm 1986, ông L cho đất vợ chồng bà Q là không đúng về mặt thời gian cho đất, bởi lẽ trong suốt quá trình khởi kiện và tham gia tố tụng, bà Q xác định ông L cho đất vợ chồng bà vào năm 1982, nên việc những người làm chứng ký tên vào Bản tự khai của bà Q cũng không chính xác, nên không có cơ sở chấp nhận

Hồ sơ vụ án còn có người làm chứng gồm: Ông Trần Vũ Đ (bút lục 99), Bà Đỗ Thị Tr (bút lục 135), bà Đỗ Thị L (bút lục 137), bà Đỗ Thị L (bút lục 139), ông Đỗ Ngọc Ch (bút lục 141) và nhiều người làm chứng khác cũng xác định đất có nguồn gốc của ông L cha chồng bà Q. Xét thấy, những người làm chứng trình bày giống nhau từng câu, từng nội dung và họ là họ hàng thân thích với bà Q, nên lời trình bày của người làm chứng do bà Q cung cấp là không khách quan; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét thấy: Bà Q xác định cha chồng là ông Đỗ Văn L cho vợ chồng bà vào năm 1982; tuy nhiên chỉ là lời trình bày, bà Q không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc ông L đã tặng cho đất.

[7] Phía bị đơn ông H xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông là cụ Đỗ Văn C và cụ Trần Thị N khai phá từ trước năm 1945, có khoảng 100 công là đất hoang hoá, đất lung, phèn; cha mẹ ông cho ông vào năm 1975 khoảng 20 công tằm cấy và cả phần đất lung hiện đang tranh chấp, phần đất lung này ông sử dụng để cho trâu uống nước, bắt cá, nhổ năng, cấy lúa xung quanh giáp bờ lung.

Toà án cấp sơ thẩm có xác minh người làm chứng gồm: ông Bùi Văn V, ông Đỗ Văn T, ông Bùi Văn T, ông Trần Văn H, bà Đoàn Thị T, ông Quách Văn V, bà Đỗ Thị T, đều có nội dung thống nhất xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Đỗ Văn C khai phá trước năm 1975, ông H là con út sống chung với cụ C, nên cụ Chắc cho ông H sử dụng đến nay.

Tại Biên bản xác minh ông Bùi Văn V, ngày 10/12/2014 (bút lục 84), ông V trình bày: Ông là hàng xóm với bà Q, ông H. Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Q với ông H trước đây là của ông Đỗ Văn C (cha ông H) khai phá trước năm 1975, ông H là con út sống chung với ông C nên ông C cho ông H sử dụng, đến năm 1979 vào tập đoàn nhà nước chia đất ruộng, thì phần đất này không có chia, do đất này là đất lung, gia đình ông H sử dụng dùng để bắt cá. Phần đất lung vẫn do ông H sử dụng đến khi tranh chấp.

Tại Biên bản lấy lời khai ông Quách Văn V, ngày 23/6/2023 (bút lục 101), ông V xác định: Ông nguyên là Tập đoàn trưởng trồng khóm, ông nhớ có giao đất cho các hộ trồng khóm, giao đất cụ thể và giao như thế nào ông không còn nhớ; còn phần đất bà Q và ông H đang tranh chấp là phần đất lung bỏ hoang không có cấp cho ai sử dụng. Sau này ai sử dụng thì ông không biết. Đồng thời ông V có vẽ sơ đồ tập đoàn khoán năm 1983 (bút lục 89), thể hiện: Phần đất lung lớn không cấp cho ai. Vào năm 1983, ông có cấp cho tập đoàn viên trong khu vực đất gò ven lung lớn trong phạm vi sơ đồ ghi trên. Trước và sau lúc đó 7 Hiều có đào khai khẩn địa ở lung lớn và phát cây cặp theo mé lung ra vài tằm và làm vài năm.

Xét thấy, chứng cứ của bị đơn ông H thể hiện phần đất tranh chấp là đất lung, khi nhà nước thành lập tập đoàn sản xuất nông nghiệp thì không đưa phần đất này vào tập đoàn và khi giải thể tập đoàn trồng khóm thì phần đất này cũng không phân chia cho cá nhân nào, do là lung sâu, không sản xuất nông nghiệp được; đồng thời có cơ sở xác định nguồn gốc đất của cụ C là cha ông H. Phần đất tranh chấp theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 09, do hộ ông Đỗ Văn H đứng tên trên sổ mục kê.

[8] Qua xác minh bà Nguyễn Thị Bích C là Trưởng ấp N, xã N, nơi có phần đất tranh chấp, bà Chân xác định phần đất tranh chấp là đất lung, từ trước tới nay không ai sử dụng, bỏ trống, lau sậy mọc. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định từ trước đến nay bà Q không có sử dụng phần đất tranh chấp; ông N cũng không có sử dụng phần đất này. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q, buộc ông H bà Đ giao trả phần đất cho bà Q là chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ; nên Hội đồng xét xử cần sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ.

[9 ] Xét thấy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà Đ là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận; Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn H và bà Mai Thị Đ; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu

[10]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được chấp nhận miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông Đỗ Văn H bà Mai Thị Diệp không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

[11]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.087.000 đồng; Bà Lê Thị Q phải chịu; Bà Quyên đã dự nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, nên được hoàn lại số tiền 1.913.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn H và bà Mai Thị Đ. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 227 và 228, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 189, 190, 191, 247 Bộ luật dân sự 1995; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần khởi kiện của bà Lê Thị Q đối với phần đất qua đo đạc tại thửa số 02, diện tích 177,9m<sup>2</sup> có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T cạnh dài 48,0m

Hướng Tây giáp thửa số 01, cạnh dài 47,7m

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M cạnh dài 1,7m.



Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh T, có cạnh dài 5,9m.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993 thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 06 do chưa sử dụng đúng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q đối với ông Đỗ Văn H về việc đòi phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 1.836,5m<sup>2</sup>, đất toạ lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn M + thửa số 02, cạnh dài 22,2m + 47,7m.

Hướng Tây giáp đất giữa ông Nam và ông H, cạnh dài 74,9m.

Hướng Nam giáp đất bà Lâm Thị X cạnh dài 28,6m.

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh T, có cạnh dài 23,1m.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 09, do hộ ông Đỗ Văn H đứng tên trên sổ mục kê; đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Q được miễn theo quy định của pháp luật. Ông Đỗ Văn H bà Mai Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.087.000 đồng, bà Lê Thị Q phải chịu; Bà Q đã dự nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, nên được hoàn lại số tiền 1.913.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thanh Dũng**